

Bản án số: 14/2018/HS-PT
Ngày 15- 01- 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Bình

Ông Nguyễn Hữu Ba

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 320/2017/TLPT-HS ngày 28 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo Mai Xuân Bằng, do có kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của đại diện bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2017/HS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

- **Bị cáo có kháng cáo: Mai Xuân B** (Mã T, T), sinh năm 1985 tại Bình Thuận; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn 6, xã E D, thị xã B H, tỉnh Đ L; chỗ ở: thôn L T, xã P L, huyện T Ph, tỉnh B; Dân tộc: Chăm; nghề nghiệp: chăn nuôi; trình độ văn hóa: 02/12; con ông Mai Xuân K (chết) và bà Nguyễn Thị U; Có vợ là H Kiết N và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2009; Ngoài ra, bị cáo còn sống chung như vợ chồng với chị Mai Thị Bé N - Sinh năm 1990 và có 02 người con với chị N, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2011; tiền sự: không; tiền án: Ngày 06/8/2015 bị TAND huyện T, tỉnh B xử phạt 24 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Chấp hành xong ngày 25/9/2016; chưa được xóa án tích; Bị cáo ra đầu thú ngày 06/12/2016, bị tạm giữ từ ngày 07/12/2016, sau chuyển tạm giam từ ngày 13/12/2016 (có mặt)

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Luật sư Hứa Thanh K, Đoàn Luật sư tỉnh B (có mặt)

- **Người bị hại:** Đoàn Văn T, sinh năm 1963 (đã chết trong vụ án)

Đại diện hợp pháp của người bị hại:

1. Bà Trần Thị Kim C - Sinh năm 1969 (Vợ bị hại- có mặt)

2. Đoàn Văn T1 - Sinh năm 1985 (con bị hại- có mặt)
3. Đoàn Văn T2 - Sinh năm 1989 (con bị hại- có mặt)
4. Đoàn Thị Kim B - Sinh năm 1991 (con bị hại- có mặt)
5. Đoàn Văn T3 - Sinh năm 1993 (con bị hại- có mặt)

Cùng trú tại: Thôn T T 2, xã Ph Ph, huyện T Ph, tỉnh B

6. Đoàn Văn T4 - Sinh năm 1987 (con bị hại- có mặt)

Trú tại: Thôn T T 1, xã Ph Ph, huyện T Ph, tỉnh B

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Mai Thị Bé N - Sinh năm 1990; Trú tại: thôn L T, xã Ph L, huyện T Ph, tỉnh B (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. NLC1, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T T 2, xã Ph Ph, huyện T Ph, tỉnh B

2. NLC2, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn L H, huyện T Ph, tỉnh B

3. NLC3 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T T 2, xã Ph Ph, huyện T Ph, tỉnh B

4. NLC4, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 7, thị trấn L H, huyện T Ph, tỉnh B

5. NLC5, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn L H, huyện T Ph, tỉnh B

6. NLC6, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn L H, huyện T Ph, tỉnh B

7. NLC7, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã Ph Th, huyện T Ph, tỉnh B

8. NLC8, sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn L H, huyện T Ph, tỉnh B

9. NLC9, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn L Tr, xã Ph L, huyện T Ph, tỉnh B

- *Người kháng cáo:* Bị cáo Mai Xuân B, Bà Trần Thị Kim C và các con bà C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 06.12.2016, NLC1 và NLC2 cùng nhau uống rượu tại chòi rẫy của NLC1 thuộc thôn Nh M, xã Ph Ph, huyện T Ph, tỉnh B thì NLC4 gọi điện thoại hỏi NLC1 “cháu lên chú nhậu được không”, NLC1 nói “được” NLC4 nói tiếp “có mua môi gì không”, NLC1 nói “không, ghé tạp hóa HT mua thiếu thùng bia Sài Gòn, tiền để chú lo”. Sau đó, NLC4 rủ bạn mình là NLC5, NLC6, NLC8 và NLC7 đi cùng; trên đường đi, NLC4 gặp Mai Xuân B và NLC9, B hỏi NLC4 đi đâu? NLC4 nói “đến chòi rẫy của NLC1 nhậu” và NLC4 rủ B đi cùng, rồi cả bọn cùng đi.

Trong quá trình ngồi uống rượu tại chòi rẫy, NLC1 nói chuyện cho mọi người nghe việc mình và ông Đoàn Văn T có mâu thuẫn về tiền điện thấp thanh long nên bị ông T rượt đuổi đánh (T và NLC1 có chòi rẫy cạnh nhau).

Nghe vậy, Mai Xuân B nói “để con đi qua chòi rẫy ông T nói chuyện” (NLC1 là chú bên vợ của B) thì mọi người can ngăn, nhưng B vẫn đi nên NLC9 và NLC8 đi cùng với mục đích can ngăn B vì sợ đánh nhau, đi đến chòi rẫy sát bên B gặp Đoàn Văn T4 (con ruột Đoàn Văn T) hỏi “có biết chòi ông T ở đâu không?” T4 nói “ông T là ông già tao, có gì không?”, B nói “tao là cháu NLC1, sao ông ba mày cãi nhau với chú vợ tao hoài vậy”, T4 nói “hai ông ở sát bên cãi nhau vậy thôi, không có gì hết”, B nói “ai đúng, ai sai”, T4 nói “ai cũng đúng, ai cũng sai, mai hai ông tỉnh rượu nói chuyện bình thường với nhau thôi”, sau đó B đi về lại chòi rẫy ông NLC1 nhậu tiếp.

Khoảng 17 giờ cùng ngày, thì ông T gọi điện thoại cho NLC1, NLC1 mở loa ngoài nghe (do điện thoại cũ nên loa nhỏ khó nghe), ông T nói “mày dẫn con cháu mày lên đánh tao phải không?”, NLC1 nói “cháu vợ em nó nghe nó qua hỏi chứ đánh nhau làm chi đâu”, NLC1 hỏi ông T “anh đang ở đâu để em về nói chuyện với anh một tý, chỗ anh em làng xóm không à, lớn hết rồi đánh lộn làm gì nữa”, ông T nói lại “tao tưởng mày đánh tao, tao đang ở nhà nè, mày về nhà tao làm gà nhậu”, NLC1 nói “dạ, tý nữa em chạy về” rồi tiếp tục nhậu; một lúc sau NLC1 nói mọi người thôi không nhậu nữa. Nghe vậy, NLC4 cùng mọi người dọn dẹp, còn B đi xuống bếp của NLC1 lấy con dao có đặc điểm: lưỡi bằng kim loại màu đen, dài khoảng 17-18 cm, cán bằng gỗ màu đen dài khoảng 07- 08cm, bản rộng khoảng 04- 05cm, mũi dao nhọn bỏ trong túi quần bên phải rồi đi ra lấy xe mô tô chở NLC9 chạy theo NLC1 và NLC2 (NLC1 chở NLC2), B đi về nhà ông T với mục đích đánh ông T cho bõ tức. Riêng NLC5, NLC6, NLC7, NLC8 đi về nhà NLC4.

NLC1 và NLC2 đến nhà ông T trước và ngồi ở phía trước hiên nhà, B đến sau do phải hỏi đường để vào nhà ông T, B dừng xe ở trước cổng, NLC9 ở ngoài không vào, B đi bên hông nhà vào thì gặp NLC3 (là hàng xóm của ông T) liền nắm cổ áo, rút dao ra hỏi “Mày phải ông T không?”, NLC3 nói “không phải”, B hỏi “ông T đâu?”, NLC3 trả lời “ở trong nhà”, lúc này ông T cũng từ trong nhà đi ra, B đến hỏi “có phải ông T không?”, ông T nói “phải”, B dùng tay phải nắm cổ áo ông T, tay trái cầm dao, lưỡi dao hướng ra ngoài theo chiều từ ngón cái đến ngón trỏ đâm từ trên xuống, trúng vào vùng cổ của ông T. Thấy máu trên người ông T chảy ra thì B cầm dao bỏ ra ngoài lấy xe chở NLC9 đi về, theo B

khai thì trên đường B đã vút bỏ con dao tại khu vực cầu Đúc gần đường ray xe lửa, đường vào thôn Tuy Tĩnh 2, xã Phong Phú, huyện Tuy Phong.

Sau khi bị đâm, T bước ra đến cửa thì té ngã, được mọi người đưa đi cấp cứu nhưng đã chết trên đường đi. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, nghe tin ông T chết, B đến Cơ quan điều tra Công an huyện T Ph đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 22/2017/KN-TT ngày 26/12/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh B, thì nguyên nhân chết của Đoàn Văn T được kết luận: Vết thương vùng thượng đòn phải, thấu ngực, thủng thủy trên phổi trái, đứt thân động mạch cánh tay đầu trái làm mất máu, suy tuần hoàn cấp nên tử vong.

Về phần dân sự: Bà Trần Thị Kim C (vợ ông Đoàn Văn T) là người đại diện hợp pháp yêu cầu bồi thường tiền chi phí mai táng là 48.340.000đ; tiền tổn thất tinh thần theo quy định của pháp luật. Bà Mai Thị Bé N (người sống chung như vợ chồng với B) đã bồi thường 30.000.000đ, nhưng bà C không nhận mà đợi Tòa án xét xử; hiện số tiền này đã chuyển vào tài khoản tạm gửi của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B để đảm bảo việc xử lý.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2017/HS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh B, quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Mai Xuân B (M Tr, Tr) phạm tội “Giết người”;

Áp dụng điểm n, khoản 1, Điều 93; điểm b, p, khoản 1, khoản 2, Điều 46; điểm g, khoản 1, Điều 48 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Mai Xuân B (M Tr, Tr) tù chung thân. Thời hạn tù tính kể từ ngày 07/12/2016.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 21/5/2017, Bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: Quá trình điều tra bị cáo khai báo không thành khẩn, còn che giấu hành vi phạm tội của người khác. Cụ thể, tại chòi của NLC1 thì NLC1 có nói: “Thôi nghỉ nhậu, mấy anh em xuống nhà ông T nói chuyện dần mặt ông T”. Sau khi đâm ông T thì bị cáo đi ra, ông NLC1 có nói “Tao kêu mày xuống dần mặt nhẹ tay thôi sao mày làm quá vậy”. Việc bị cáo đâm ông T là do NLC3 giật tay bị cáo quá mạnh nên tay trái của bị cáo mới đâm trúng cổ ông T. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ngày 24/5/2017, bà Trần Thị Kim C và 5 người con ông T cùng kháng cáo với nội dung: Theo lời khai của bị cáo tại phiên tòa thì NLC1 là người yêu cầu, xúi giục bị cáo đánh ông T để dần mặt. Quá trình điều tra vụ án công an có ép cung. Đề nghị cấp phúc thẩm trả hồ sơ để điều tra làm rõ vai trò của NLC1 trong vụ án, không bỏ lọt tội phạm.

Tại bản nêu ý kiến đề ngày 04/8/2017 cũng như lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, bà C trình bày bà không có ý kiến gì về tội danh và mức hình phạt của bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm như sau: Hành vi của bị cáo thể hiện tích côn đồ, hung hãn, bị cáo có tiền án về tội cố ý gây thương tích, mức án mà cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là phù hợp, đề nghị bác kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Về kháng cáo của bị hại: Quá trình điều tra và qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa hôm nay thì thấy không có căn cứ để cho rằng NLC1 xúi dục hoặc yêu cầu bị cáo giết bị hại, cấp sơ thẩm đã có văn bản yêu cầu điều tra về nội dung này. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 355 Bộ luật hình sự, bác kháng cáo của đại diện bị hại, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

Vị Luật sư phát biểu bào chữa như sau:

Về tội danh, cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo là đúng người, đúng tội. Cấp sơ thẩm cũng đã có văn bản yêu cầu cơ quan cảnh sát điều tra điều tra hành vi của NLC1 xem có đồng phạm với bị cáo hay không và tại phiên tòa hôm nay, đã thẩm vấn làm rõ vấn đề này là thỏa đáng, không có đồng phạm trong vụ án.

Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ: Là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn thấp, thành khẩn khai báo, tự thú, hoàn cảnh gia đình khó khăn, có 2 con nhỏ, đã khắc phục một phần hậu quả, có ông ngoại là liệt sỹ, đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không tranh luận gì.

Các bị hại tranh luận chỉ yêu cầu làm rõ hành vi của NLC1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời trình bày của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, theo đó, trong lúc uống rượu tại chòi của NLC1 và nghe NLC1 kể về việc NLC1 bị ông T đánh nên B bức tức muốn bênh ông NLC1. Sau khi nghỉ nhậu, B xuống bếp ở chòi NLC1 lấy một con dao lưỡi bằng kim loại màu đen, dài khoảng 17-18 cm, cán bằng gỗ màu đen dài khoảng 07-08cm, bản rộng khoảng 04- 05cm, mũi dao nhọn bỏ trong túi quần bên phải rồi đi ra lấy xe mô tô chở NLC9 chạy theo NLC1 và NLC2 đi về nhà ông T để B đánh ông T. Khi đến nơi, bị cáo rút dao cầm trên tay trái đi thẳng vào nhà ông T và hỏi tìm ông T, khi gặp và biết là ông T từ trong nhà đi ra, ngay lập tức, bị cáo dùng tay phải nắm cổ áo ông T, tay trái cầm dao đâm vào thượng đòn bên phải ông T làm ông T tử vong.

Từ đó có đủ căn cứ kết luận bị cáo phạm tội “Giết người” với tính chất côn đồ theo điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự, đúng như cấp sơ thẩm đã kết tội bị cáo.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo thì thấy:

Giữa bị cáo và bị hại không quen biết nhau và không hề có mâu thuẫn gì, chỉ vì bị cáo nghe thấy NLC1 (là chú vợ bị cáo) nên bị cáo bức tức và muốn bênh NLC1 nên bị cáo đã mang dao đến tận nhà ông T đâm ông T tử vong. Việc bị cáo kháng cáo cho rằng trong lúc giằng co với ông T thì ông NLC3 có cầm tay bị cáo kéo mạnh ra làm bị cáo nhỡ tay đâm vào cổ ông T là không có căn cứ, NLC3 không thừa nhận có kéo tay bị cáo. Xét thấy, hành vi của bị cáo thể hiện tính côn đồ, hung hãn, không có nguyên do gì đáng kể nhưng bị cáo mang dao xông vào nhà ông T đâm ông T tử vong, thể hiện coi thường tính mạng, sức khỏe người khác, coi thường pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã tước đi sinh mạng một con người, gây đau thương tang tóc không gì bù đắp được cho gia đình người bị hại, tác động rất tiêu cực đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo là người có tiền án về tội “Cố ý gây thương tích”, chưa được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà vẫn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả đặc biệt nghiêm trọng mà bị cáo gây ra thì phải xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm, cách ly vĩnh viễn bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo và mới có thể giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, đồng thời đề răn đe, phòng ngừa chung. Tại phiên tòa sơ thẩm và tại đơn kháng cáo bị cáo có khai việc bị cáo sang nhà ông T là do NLC1 nói sang đánh dần mặt ông T. Bị cáo trình bày bị cáo hiểu đánh dần mặt ông T là dùng tay đánh vào mặt, không phải là giết ông T. Như vậy, NLC1 không xúi dục hoặc yêu cầu bị cáo giết bị hại mà việc giết bị hại là do tự bị cáo làm.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào theo quy định của pháp luật để làm căn cứ giảm hình phạt cho bị cáo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên hình phạt bản án sơ thẩm đã tuyên.

Xét kháng cáo của gia đình bị hại thì thấy: Gia đình bị hại không có ý kiến gì về tội danh và mức hình phạt của bị cáo, chỉ yêu cầu trả hồ sơ để điều tra làm rõ vai trò của NLC1 vì cho rằng NLC1 xúi giục bị cáo sang đánh ông T. Việc bị cáo khai tại phiên tòa sơ thẩm và trong đơn kháng cáo về việc NLC1 có nói với bị cáo sang nhà ông T dẫn mặt ông T. Xét thấy: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo vẫn giữ lời khai này, NLC1 không thừa nhận có nói bị cáo sang dẫn mặt bị hại. Quá trình điều tra và qua đối chất tại phiên tòa hôm nay, những người làm chứng tham gia nhậ từ đầu đến cuối (trừ NLC7) đều khẳng định khi nhậ không nghe thấy NLC1 nói sang dẫn mặt ông T. Quá trình điều tra bị cáo cũng không khai tình tiết này. Mặt khác, như nhận định trên thì bị cáo thừa nhận NLC1 không xúi giục hay yêu cầu bị cáo giết bị hại. Từ đó có căn cứ kết luận NLC1 không đồng phạm với bị cáo về tội “giết người”. Kháng cáo của đại diện bị hại yêu cầu hủy án sơ thẩm để điều tra lại đối với NLC1 là không có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo có nguyên nhân xuất phát từ việc trong lúc nhậ NLC1 kể chuyện ông xích mích với bị hại. Cần kiến nghị cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra làm rõ hành vi của NLC1 để xử lý theo quy định của pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo đã rõ, việc tiếp tục điều tra đối với NLC1 không ảnh hưởng đến việc xét xử và kết tội bị cáo nên không cần hủy án sơ thẩm để trả hồ sơ cho cơ quan tiến hành tố tụng điều tra bổ sung đối với ông T mà chỉ cần kiến nghị tiếp tục điều tra làm rõ vai trò của NLC1, nếu có việc phạm tội thì xử lý bằng vụ án khác.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự

1- Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Mai Xuân B, không chấp nhận kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm để trả hồ sơ để điều tra bổ sung của đại diện bị hại, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm số 15/2017/HSST ngày 19/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh B như sau:

Tuyên bố: Bị cáo Mai Xuân B (Mã Trụ, Trụ) phạm tội “Giết người”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Mai Xuân B (M Tr, Tr) tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 07/12/2016.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Mai Xuân B theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

2- Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo phải nộp: 200.000 đồng.

3- Kiến nghị cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh B tiếp tục điều tra để làm rõ hành vi của NLC1 trong vụ án để xử lý theo quy định của pháp luật, bảo đảm không bỏ lọt tội phạm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án là ngày 15/01/2018

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Ba

Trương Văn Bình

Nguyễn Văn Hùng

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Công an tỉnh Bình Thuận;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Thuận;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Thuận;
(để tổng đạt cho bị cáo);
- Bị hại;
- NLQ;
- Lưu VP, HS, 21bTNB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hùng

